

Số: 02 /GP-UBND

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 01 năm 2020

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 31/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục vùng hạn chế, vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Công ty cổ phần xi măng Tuyên Quang và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 06/TTr-STNMT ngày 03/01/2020 về việc cấp giấy phép khai thác nước dưới đất tại xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang của Công ty cổ phần xi măng Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty cổ phần xi măng Tuyên Quang (địa chỉ: số 02, đường Kim Bình, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang) khai thác nước dưới đất với các nội dung sau:

1. Mục đích khai thác, sử dụng: Cấp nước phục vụ sinh hoạt cho cán bộ công nhân viên làm việc trong Công ty cổ phần xi măng Tuyên Quang tại xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

2. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất: Giếng khai thác LK1 tại số 02, đường Kim Bình, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Toạ độ giếng khai thác (hệ VN2000-Kinh tuyến trục 106⁰ múi chiếu 3⁰):

$$X = {}^{24}18.294; \quad Y = {}^419.307$$

3. Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước khe nứt, khe nứt – karts trong hệ tầng Phia Phương.

4. Tổng số giếng khai thác: 01 giếng.

5. Tổng lượng nước khai thác: 20,0 m³/ngày đêm.

6. Chế độ khai thác: 16 giờ/ngày; 300 ngày/năm.

7. Thời hạn của giấy phép là: 10 (mười) năm, kể từ ngày ký Giấy phép khai thác.

Vị trí toạ độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu giếng	Toạ độ (VN2000, kinh tuyến trục 106 ⁰ . múi chiếu 3')		Lưu lượng (m ³ /ng.đ)	Chế độ khai thác (giờ/ngày đêm)	Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y			Từ (m)	Đến (m)			
LK1	²⁴ 18.294	⁴ 19.307	20	16/24	25	65	8,5	15	D _{1pp}

(có bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất tỷ lệ 1/10.000 kèm theo)

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty cổ phần xi măng Tuyên Quang:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định.

3. Thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác nước theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định.

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước năm 2012.

6. Nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuê tài nguyên và thực hiện nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

7. Hàng năm (*trước ngày 15 tháng 12*), tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

8. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên và môi trường về các vấn đề có liên quan tới khai thác, sử dụng nước dưới đất.

9. Thực hiện theo dõi các hiện tượng tai biến địa chất, sụt lún đất trong khu vực khai thác nước dưới đất; có biện pháp phòng ngừa, khắc phục, bảo đảm an toàn trong trường hợp xảy ra sự cố, báo cáo kịp thời cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân hiện đang khai thác, sử dụng nước dưới đất xung quanh khu vực đề nghị cấp phép.

Điều 3. Công ty cổ phần xi măng Tuyên Quang được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty cổ phần xi măng Tuyên Quang còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang, Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Tuyên Quang, Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước; | (Báo cáo)
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh phụ trách TNMT;
- Phó CVP Nguyễn Thanh;
- Chuyên viên KS;
- Lưu VT, (Đ 25).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Thực